TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Quang.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1996; Nơi cư trú: Ấp KM, xã HĐB, huyện TH, tỉnh Long An (nay là Ấp KM, xã HĐ, tỉnh Tây Ninh).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp PHB, xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp PHB, xã LPT, tỉnh Đồng Tháp).

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 8 năm 2025 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị với anh Trần Văn P cưới nhau vào năm 2013, trước khi tiến hôn nhân thì chị và anh P có tìm hiểu, được khoảng 06 tháng thì cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân

xã HĐB, huyện TH, tỉnh Long An (nay là xã HĐ, tỉnh Tây Ninh). Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ nhau thường xuyên và cả hai đã không còn sống chung từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P. Về con chung: Chị đồng ý giao con chung Trần Hữu P1, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2014 cho anh Trần Văn P tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Chị và anh Trần Văn P không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ chúng chị, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn P đã được Toà án triệu tập để hoà giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Toà án để tham gia phiên hoà giải và xét xử.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Trần Văn P; Về con chung: Giao con chung Trương Thảo Vy, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2020 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh P chưa có văn bản trình bày yêu cầu của mình, nếu anh có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác; Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn P là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Nh đối với anh Trần Văn P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Nh thì cuộc sống của chị và anh P vui vẻ hạnh phúc được khoảng 02 năm

thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ nhau thường xuyên và cả hai đã không còn sống chung từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị Nh và anh P hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Nh là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Nh ly hôn với anh Trần Văn P.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Nh đồng ý giao con chung Trần Hữu P1, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2014 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy hiên nay con chung đang do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy để ổn định cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P chưa có yêu cầu, nếu anh P có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nh cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Trần Văn P không có văn bản trình bày ý kiến của mình, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nh. Cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Anh Trần Văn P được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Hữu P1, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2014.

2.2. Chị Nguyễn Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0006470 ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nh không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã HĐ, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng